



SƠ ĐỒ PHÒNG THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024 - ĐỢT 2

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Thứ bảy 12/10/2024 07 giờ - 11 giờ	Bác sĩ nội trú	ĐGD_DUOC	Môn 2 (Tổng hợp)	150	Hệ ngoại(150)
		GĐ_5_DUOC		95	Hệ ngoại(95)
		GĐ_14_DUOC		45	Hệ ngoại(45)
		HTK.D		28	Hệ ngoại(28)
		PTT_CNTTD		25	Hệ ngoại(25)
		GĐ_1_DUOC		90	Hệ nội(90)
		GĐ_2_DUOC		90	Hệ nội(90)
		GĐ_3_DUOC		90	Hệ nội(90)
		GĐ_4_DUOC		49	Hệ nội(49)
		GĐ_8_DUOC		39	Răng - Hàm - Mặt(39)
		GĐ_6_DUOC		34	Giải phẫu bệnh(11) Y học cổ truyền(23)
		GĐ_AB		49	Hệ nội(18) Hệ ngoại(12) Y học cổ truyền(7) Răng - Hàm - Mặt(12)

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành		
Thứ bảy 12.10.2024 7 giờ - 11 giờ	Chuyên khoa cấp I	4A1	Sinh lý	38	Huyết học(14)	Lao(16)	Vi sinh y học(8)
		4A2		36	Tâm thần(17)	Truyền nhiễm(19)	
		5A		134	Lão khoa(66)	Nội tiết(68)	
		5D		96	Gây mê hồi sức(96)		
		6B		122	Hồi sức cấp cứu(115)	Chăm sóc giảm nhẹ(4)	Hóa sinh(3)
		6C		87	Nhi khoa(87)		
		7A		130	Nội khoa(130)		
		7B		125	Nhi khoa(125)		
		7C		96	Nội khoa(96)		
		7D		97	Nội khoa(97)		
		ĐGD_Y		141	Da liễu(141)		
		9A2		49	Dinh dưỡng(20) Y học cổ truyền(29)		
		9B		61	Phục hồi chức năng(22)	Thần kinh(39)	
		9C	Nha khoa cơ sở	35	Răng - Hàm - Mặt(35)		
			Tổ chức quản lý y tế	25	Y học gia đình(25)		
		4B1	Giải phẫu	36	Tai - Mũi - Họng(36)		
		4B2		44	Ung thư(44)		
		4C		87	Ngoại - lồng ngực(25)	Nhãn khoa(62)	
		4D		76	Ngoại - nhi(16)	Phẫu thuật tạo hình tái tạo và thẩm mỹ(45)	
					Giải phẫu bệnh(15)		
		5B		124	Ngoại khoa(59)	Ngoại thần kinh - sọ não(65)	
		5C		95	Chấn thương chỉnh hình(95)		
		6A		120	Sản phụ khoa(120)		
		6D		88	Sản phụ khoa(88)		
		GĐ1		99	Chẩn đoán hình ảnh(99)		
		GĐ2		99	Chẩn đoán hình ảnh(99)		
		GĐA_GPH		56	Ngoại thận và tiết niệu(56)		
		9A1	Hóa hữu cơ	34	Dược lý và dược lâm sàng(14)	Tổ chức Quản lý dược(20)	

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Thứ bảy 12/10/2024 13 giờ - 17 giờ	Bác sĩ nội trú	ĐGD_DUOC	Môn 3 (Ngoại khoa)	150	Hệ ngoại(150)
		GĐ_5_DUOC		95	Hệ ngoại(95)
		GĐ_14_DUOC		45	Hệ ngoại(45)
		HTK.D		28	Hệ ngoại(28)
		PTT_CNTTD		25	Hệ ngoại(25)
		GĐ_1_DUOC	Môn 3 (Nội khoa)	90	Hệ nội(90)
		GĐ_2_DUOC		90	Hệ nội(90)
		GĐ_3_DUOC		90	Hệ nội(90)
		GĐ_4_DUOC		49	Hệ nội(49)
		GĐ_6_DUOC		11	Giải phẫu bệnh(11)
			Môn 3 (Lý luận YHCT)	23	Y học cổ truyền(23)
		GĐ_8_DUOC	Môn 3 (Nha khoa)	39	Răng - Hàm - Mặt(39)
		GD_AB	Môn 3 (Lý luận YHCT)	7	Y học cổ truyền(7)
			Môn 3 (Ngoại khoa)	12	Hệ ngoại(12)
			Môn 3 (Nha khoa)	12	Răng - Hàm - Mặt(12)
			Môn 3 (Nội khoa)	18	Hệ nội(18)

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Thứ bảy 12.10.2024 13 giờ - 17 giờ	Chuyên khoa cấp I	4A1	Huyết học	14	Huyết học(14)
			Lao	16	Lao(16)
			Vi sinh	8	Vi sinh y học(8)
		4A2	Tâm thần	17	Tâm thần(17)
			Truyền nhiễm	19	Truyền nhiễm(19)
		4B1	Tai mũi họng	36	Tai - Mũi - Họng(36)
		4B2	Ung thư	44	Ung thư(44)
		4C	Ngoại – Lồng ngực	25	Ngoại - lồng ngực(25)
			Nhãn khoa	62	Nhãn khoa(62)
		4D	Giải phẫu bệnh	15	Giải phẫu bệnh(15)
			Ngoại nhi	16	Ngoại - nhi(16)
			Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	45	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ(45)
		5A	Lão khoa	66	Lão khoa(66)
			Nội tiết	68	Nội tiết(68)
		5B	Ngoại khoa	59	Ngoại khoa(59)
			Ngoại thần kinh	65	Ngoại thần kinh - sọ não(65)
		5C	Chấn thương chỉnh hình	95	Chấn thương chỉnh hình(95)
		5D	Gây mê hồi sức	96	Gây mê hồi sức(96)
		6A	Sản phụ khoa	120	Sản phụ khoa(120)
		6D	Sản phụ khoa	88	Sản phụ khoa(88)
		6B	Chăm sóc giảm nhẹ	4	Chăm sóc giảm nhẹ(4)
			Hóa sinh	3	Hóa sinh(3)
			Hồi sức cấp cứu	115	Hồi sức cấp cứu(115)
		6C	Nhi khoa	87	Nhi khoa(87)
		7A	Nội khoa	130	Nội khoa(130)
		7B	Nhi khoa	125	Nhi khoa(125)
		7C	Nội khoa	96	Nội khoa(96)
		7D		97	Nội khoa(97)
		9A1	Dược lý - Dược lâm sàng	14	Dược lý và dược lâm sàng(14)
			Quản lý dược	20	Tổ chức Quản lý dược(20)
		9A2	Dinh dưỡng	20	Dinh dưỡng(20)
			Y học cổ truyền	29	Y học cổ truyền(29)
		9B	Phục hồi chức năng	22	Phục hồi chức năng(22)
			Thần kinh	39	Thần kinh(39)
		9C	RHM chuyên ngành	35	Răng - Hàm - Mặt(35)
			Y học gia đình	25	Y học gia đình(25)
		ĐGD_Y	Da liễu	141	Da liễu(141)
		GĐ1	Chẩn đoán hình ảnh	99	Chẩn đoán hình ảnh(99)
		GĐ2		99	Chẩn đoán hình ảnh(99)
		GĐA_GPH	Ngoại niệu	56	Ngoại thận và tiết niệu(56)

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Chủ nhật 13/10/2024 07 giờ - 11 giờ	Bác sĩ nội trú	ĐGD_DUOC	Môn 4 (Săn phụ khoa)	150	Hệ ngoại(150)
		GĐ_5_DUOC		95	Hệ ngoại(95)
		GĐ_14_DUOC		45	Hệ ngoại(45)
		HTK.D		28	Hệ ngoại(28)
		PTT_CNTTD		25	Hệ ngoại(25)
		GĐ_1_DUOC	Môn 4 (Nhi khoa)	90	Hệ nội(90)
		GĐ_2_DUOC		90	Hệ nội(90)
		GĐ_3_DUOC		90	Hệ nội(90)
		GĐ_4_DUOC		49	Hệ nội(49)
		GĐ_6_DUOC	Môn 4 (Mô phôi)	11	Giải phẫu bệnh(11)
			Môn 4 (Nội YHCT)	23	Y học cổ truyền(23)
		GĐ_8_DUOC	Môn 4 (PT trong miệng và hàm mặt)	39	Răng - Hàm - Mặt(39)
		GD_AB	Môn 4 (Nhi khoa)	18	Hệ nội(18)
			Môn 4 (Nội YHCT)	7	Y học cổ truyền(7)
			Môn 4 (PT trong miệng và hàm mặt)	12	Răng - Hàm - Mặt(12)
			Môn 4 (Săn phụ khoa)	12	Hệ ngoại(12)

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành			
Chủ nhật 13.10.2024 7 giờ - 11 giờ	Chuyên khoa cấp II	7A	Chẩn đoán hình ảnh	6	X quang(5) Siêu âm(1)			
			Chẩn thương chỉnh hình	17	Chẩn thương chỉnh hình(17)			
			Giải phẫu bệnh	2	Giải phẫu bệnh(2)			
			Ngoại khoa	7	Ngoại khoa(7)			
			Ngoại lồng ngực	7	Ngoại - lồng ngực(7)			
			Ngoại nhi	4	Ngoại - nhi(4)			
			Ngoại niệu	2	Ngoại thận và tiết niệu(2)			
			Ngoại thần kinh	7	Ngoại thần kinh - sọ não(7)			
			Nhấn khoa	7	Nhấn khoa(7)			
			Quản lý dược	13	Tổ chức Quản lý dược(13)			
			RHM chuyên ngành	8	Răng - Hàm - Mặt(8)			
			Sản phụ khoa	18	Sản phụ khoa(18)			
			Tai mũi họng	3	Mũi họng(3)			
			Tổ chức quản lý y tế	8	Quản lý y tế(8)			
			Ung thư	11	Ung thư(11)			
			Y học cổ truyền	8	Y học cổ truyền(8)			
		7B	Da liễu	10	Da liễu(10)			
			Gây mê hồi sức	11	Gây mê hồi sức(11)			
			Hồi sức cấp cứu	13	Hồi sức cấp cứu(13)			
			Huyết học	3	Huyết học(3)			
			Lao	5	Lao(5)			
			Lão khoa	12	Lão khoa(12)			
			Nhi khoa	25	Nhi - Sơ sinh(5)		Nhi - Tiêu hóa(3)	Nhi - Hô hấp(7)
					Nhi - Tim mạch(3)		Nhi - Thần kinh(2)	Nhi - Nội tiết và chuyển hóa(2)
					Nhi - Hồi sức(2)		Nhi: Huyết học - Ung bướu(1)	
			Nội Khoa	19	Nội tiêu hóa(6)		Nội hô hấp(3)	Nội thận - tiết niệu(2)
					Nội tim mạch(8)			
			Nội tiết	6	Nội tiết(6)			
			Phục hồi chức năng	1	Phục hồi chức năng(1)			
			Tâm thần	2	Tâm thần(2)			
			Thần kinh	3	Thần kinh(3)			
			Truyền nhiễm	6	Truyền nhiễm(6)			
			Y học gia đình	3	Y học gia đình(3)			

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành		
Chủ nhật 13.10.2024 7 giờ - 11 giờ	Thạc sĩ	4A1	Khoa học y sinh (Tổng hợp)	29	Giải phẫu bệnh(11)	Mô phôi - Di truyền(6)	Hóa sinh(2)
					Giải phẫu học(2)	Vi sinh y học(4)	Sinh lý học(1)
					Sinh lý bệnh - Miễn dịch học(3)		
		4A2	Y tế công cộng	36	Y học dự phòng(15)	Y tế công cộng(21)	
		4B1	Ung thư	26	Ung thư(26)		
		4B2	Công nghệ dược phẩm - bào chế	36	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(36)		
		4C	Dinh dưỡng	23	Dinh dưỡng(23)		
			Gây mê hồi sức	32	Gây mê hồi sức(32)		
			Phục hồi chức năng	30	Kỹ thuật phục hồi chức năng(30)		
			Y học gia đình	6	Y học gia đình(6)		
		4D	Bệnh truyền nhiễm và CBNĐ (Tổng hợp)	15	Truyền nhiễm(10)	Lao(5)	
			Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa - ngoại khoa	74	Điều dưỡng(74)		
		5A	Ngoại khoa (Tổng hợp)	129	Ngoại khoa(6)	Ngoại - nhi(4)	Ngoại - lồng ngực(13)
					Ngoại thận và tiết niệu(28)	Chấn thương chỉnh hình(78)	
		5B	Nhãn khoa	58	Nhãn khoa(58)		
			Tai mũi họng	65	Tai - Mũi - Họng(65)		
		5C	Chẩn đoán hình ảnh	84	Chẩn đoán hình ảnh(84)		
		5D	Ngoại khoa	85	Ngoại khoa(60)	Ngoại thần kinh - sọ não(25)	
		6A	Nội khoa (Tổng hợp)	130	Da liễu(130)		
		6B		130	Nội khoa(8)	Lão khoa(90)	Huyết học và truyền máu(3)
					Da liễu(29)		
		6C		93	Nội khoa(93)		
		6D		95	Nội khoa(95)		
		7C	Dược liệu - Dược học cổ truyền	17	Dược liệu - Dược học cổ truyền(17)		
			Dược lý và Dược lâm sàng	78	Dược lý và dược lâm sàng(78)		
		7D	Dược lý và Dược lâm sàng	79	Dược lý và dược lâm sàng(79)		
			Kiểm nghiệm thuốc - độc chất	11	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(11)		
		9A1	Quản lý dược	44	Tổ chức Quản lý dược(44)		
		9B	Nội khoa	56	Nội khoa(28)	Tâm thần(7)	Phục hồi chức năng(21)
		9C	(Tổng hợp)	56	Thần kinh(47)	Tâm thần(9)	
		ĐGD Y	Nhi khoa	148	Nhi khoa(148)		
		GĐ 11 Y	Bệnh học và điều trị kết hợp YHCT	39	Y học cổ truyền(39)		
		GĐ 12 Y		39	Y học cổ truyền(39)		
		GĐ C RHM	RHM tổng quát	73	Răng - Hàm - Mặt(73)		
		GĐ1	Sân phụ khoa	74	Sân phụ khoa(74)		
		GĐ2		76	Sân phụ khoa(76)		
		GĐA GPH	Xét nghiệm y học	69	Kỹ thuật xét nghiệm y học(69)		

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành		
Chủ nhật 13/10/2024 13 giờ - 17 giờ	Bác sĩ nội trú	GD_AB	Môn 1 (Anh văn)	49	Hệ nội(18)	Y học cổ truyền(7)	Răng - Hàm - Mặt(12)
					Hệ ngoại(12)		
	Chuyên khoa cấp II	7A	Tiếng Anh	102	Lão khoa(4)	Gây mê hồi sức(1)	Nội tiêu hóa(4)
					Nội hô hấp(2)	Nội thận - tiết niệu(1)	Nội tim mạch(3)
					Nội tiết(1)	Hồi sức cấp cứu(6)	Nhi - Sơ sinh(3)
					Nhi - Hô hấp(3)	Nhi - Tim mạch(1)	Nhi - Nội tiết và chuyển hóa(2)
					Ngoại khoa(6)	Ngoại thần kinh - sọ não(7)	Ngoại - lồng ngực(1)
					Chấn thương chỉnh hình(8)	Nhãn khoa(1)	Sản phụ khoa(4)
					Y học gia đình(1)	Y học cổ truyền(3)	Răng - Hàm - Mặt(3)
					Tổ chức Quản lý dược(8)	Ung thư(6)	Mũi họng(1)
					X quang(1)	Quản lý y tế(5)	Da liễu(3)
					Huyết học(3)	Lao(2)	Tâm thần(2)
					Thần kinh(1)	Truyền nhiễm(4)	Y học gia đình(1)

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành
Chủ nhật 13/10/2024 13 giờ - 17 giờ	Thạc sĩ	4A2	Dịch tễ học cơ bản	36	Y học dự phòng(15) Y tế công cộng(21)
		4B2	Hóa hữu cơ	36	Công nghệ dược phẩm và bảo chế thuốc(36)
		7C		95	Dược liệu - Dược học cổ truyền(17) Dược lý và dược lâm sàng(78)
		7D		90	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(11) Dược lý và dược lâm sàng(79)
		9A1		44	Tổ chức Quản lý dược(44)
		4B1		26	Ung thư(26)
		5A	Giải phẫu	129	Ngoại khoa(6) Ngoại - nhi(4) Ngoại - lồng ngực(13) Ngoại thận và tiết niệu(28) Chấn thương chỉnh hình(78)
		5B		123	Tai - Mũi - Họng(65) Nhãn khoa(58)
		5C		84	Chẩn đoán hình ảnh(84)
		5D		85	Ngoại khoa(60) Ngoại thần kinh - sọ não(25)
		GĐ1		74	Sản phụ khoa(74)
		GĐ2		76	Sản phụ khoa(76)
		4A1	Giải phẫu	18	Giải phẫu bệnh(11) Mô phôi - Di truyền(6) Sinh lý học(1)
		4C	Sinh lý	11	Hóa sinh(2) Vi sinh y học(4) Giải phẫu học(2) Sinh lý bệnh - Miễn dịch học(3)
			Sinh lý	91	Gây mê hồi sức(32) Y học gia đình(6) Dinh dưỡng(23) Kỹ thuật phục hồi chức năng(30)
		4D		89	Truyền nhiễm(10) Lao(5) Điều dưỡng(74)
		6A		130	Da liễu(130)
		6B		130	Nội khoa(8) Lão khoa(90) Huyết học và truyền máu(3) Da liễu(29)
		6C		93	Nội khoa(93)
		6D		95	Nội khoa(95)
		9B		56	Nội khoa(28) Tâm thần(7) Phục hồi chức năng(21)
		9C		56	Thần kinh(47) Tâm thần(9)
		ĐGD_Y		148	Nhi khoa(148)
		GĐ_11_Y		39	Y học cổ truyền(39)
		GĐ_12_Y		39	Y học cổ truyền(39)
		GĐA_GPH		69	Kỹ thuật xét nghiệm y học(69)
		GĐ_C_RHM	Nha khoa cơ sở	73	Răng - Hàm - Mặt(73)

Ghi chú:

1. Thí sinh phải có mặt tại phòng thi đúng ngày giờ quy định:
- Sáng: 07 giờ 00 - Chiều: 13 giờ 00
2. Khi đi thi thí sinh phải mang đủ:
- Giấy báo dự thi; Căn cước - Căn cước công dân - Hộ chiếu.

3. Địa điểm của Phòng thi:

- 41 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP. HCM: ĐGD_DUOC, GĐ_5_DUOC, GĐ_14_DUOC, HTK.D, PTT_CNTTD, GĐ_1_DUOC,,GĐ_2_DUOC, GĐ_3_DUOC, GĐ_4_DUOC, GĐ_8_DUOC, GĐ_6_DUOC.
- 217 Hồng Bàng, Quận 5, TP. HCM: GĐ_AB, 4A1, 4A2, 5A, 5D, 6B, 6C, 7A, 7B, 7C, 7D, ĐGD_Y, 9B, 9C, 9A2, 4B1, 4B2, 4C, 4D, 5B, 5C, 6A, 6D, GĐ1, GĐ2, GĐA_GPH, 9A1, GĐ_11_Y, GĐ_12_Y, GĐ_C_RHM.